

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2019/HS-ST
Ngày: 20-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh.

2. Ông Nguyễn Văn Hả.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2019/TLST-HS ngày 17/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Kh Th I, sinh ngày 20/01/1996 tại Lào; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản K M, huyện V V, tỉnh Viêng Chăn, Lào; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Lào Lum; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Lào; con ông K P I, sinh năm 1956 và bà M I, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2019 đến nay. Có mặt.

Người phiên dịch: Bà Lê Thu H– Phiên dịch viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch thuật C P.

Địa chỉ: 154 đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/12/2018, ông D S (sinh năm 1951, trú tại 31 R B 57330 V L M, Pháp) rủ bị cáo Kh Th I và U K (sinh năm 1971, trú tại bản N S B, huyện B P, tỉnh Khon Kaen, Thái Lan) sang Việt Nam du lịch. Kh Th I và U K đồng ý cùng sang Việt Nam với D S.

Lúc 11 giờ ngày 06/01/2019, cả ba người xuất phát từ trung tâm thành phố P, Lào sang Việt Nam bằng xe ô tô hiệu Toyota – Prado biển kiểm soát Lào 3899 do D S điều khiển. Khi đến cửa khẩu P, Lào thì Kh Th I điều khiển xe ô tô đến cửa khẩu quốc tế B, huyện N. Khi đến cửa khẩu B, cả ba vào khu vực làm thủ tục nhập cảnh. Lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác của Trạm kiểm soát biên phòng – Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế B phối hợp với Chi cục hải quan cửa khẩu quốc tế B tiến hành kiểm tra nhập cảnh đối với 03 đối tượng và phương tiện xe ô tô biển kiểm soát Lào 3899 thì phát hiện tại hộp đựng đồ phía trước giữa ghế tài và ghế phụ có 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng, tại hộp đựng đồ phía trước ghế phụ có 01 lọ màu vàng chứa 14 viên nén hình tròn (có 13 viên trắng, trên mỗi viên có ký hiệu "A" và 01 viên màu xanh có ký hiệu "VL". Kiểm tra trong thùng nhựa màu xanh phía sau ghế phụ, phát hiện có 01 túi nilon màu trắng chứa 02 viên nén màu xanh, mỗi viên có ký hiệu "VL", 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh bột màu trắng. Kh Th I thừa nhận toàn bộ tang vật được phát hiện là ma túy, do bị cáo cất giấu trên xe ô tô để đưa vào Việt Nam sử dụng. Tổ công tác tiến hành tạm giữ, niêm phong toàn bộ tang vật, có chữ ký của những người liên quan và chứng kiến gồm: Nguyễn Hải D, Trần Văn B, Trần Văn K, Kh Th I, U K và D S và ra Quyết định trưng cầu giám định tang vật theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số 03/GĐTP-2019 ngày 09/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1.1; M1.2) đựng trong bì nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,8826 gam, là loại Methamphetamine.

- Mẫu chất bột màu trắng (ký hiệu M2) đựng trong bì nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,5005 gam, là loại Ketamine.

- Mẫu viên nén hình tròn (ký hiệu M3) màu xanh, ký hiệu "VL" đựng trong bì nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,6574 gam, là loại MDMA.

- Mẫu viên nén hình tròn (ký hiệu M4.2) màu xanh, ký hiệu "VL" đựng trong lọ màu vàng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3279 gam, là loại MDMA.

- Mẫu viên nén hình tròn (ký hiệu M4.1) màu trắng, ký hiệu "A" đựng trong lọ màu vàng được niêm phong trong phong bì gửi giám định, có khối lượng: 6,5399 gam, không phải là ma túy.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 16 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Kh Th I về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Kh Th I phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*";

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 tuyên xử phạt bị cáo 12 tháng tù.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ các quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ số ma túy, 13 viên nén hình tròn màu trắng có ký hiệu A, 01 thùng nhựa màu xanh; trả lại cho bị cáo toàn bộ số tiền, 01 đồng hồ, 01 điện thoại và các giấy tờ chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy phép lái xe.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Kh Th I khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào 16 giờ 30 phút, ngày 06/01/2019, trong khi Kh Th I cùng với U K và D S làm thủ tục nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế B, huyện N thì bị cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện, thu giữ trên xe ô tô 02 gói ma túy dạng tinh thể, loại Methamphetamine, khối lượng 1,8826 gam; 01 gói ma túy dạng bột, loại Ketamine, khối lượng 0,5005 gam; 03 viên nén chất ma túy màu xanh ký hiệu “VL“, loại MDMA, khối lượng 0,9853 gam. Số ma túy này là của bị cáo Kh Th I cất giấu để sử dụng riêng cho bản thân trong quá trình đi du lịch tại Việt Nam, ngoài ra không có mục đích nào khác. Với hành vi cất giấu tổng khối lượng 3,3684 gam của 03 loại ma túy khác nhau, bị cáo Kh Th I bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật (điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này*”).

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy, bị cáo biết rõ tác hại của ma túy là cực kỳ nguy hiểm và có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Chính vì tác hại này mà pháp luật nghiêm cấm không được tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, đồng thời pháp luật quy định hình phạt nghiêm khắc để trừng trị đối với loại tội phạm này. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tình hình an ninh trật tự và xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng, nhằm cải tạo bị cáo thành người biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người nước ngoài, hiểu biết về pháp luật Việt Nam còn hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Riêng hai đối tượng đi cùng xe ô tô với bị cáo Kh Th I là U K và D S, không biết việc bị cáo cất giấu ma túy trên xe nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai toàn bộ số ma túy cất giấu là của người bạn tên N, ở thành phố V, Lào cho bị cáo, cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

[6] Về vật chứng: Căn cứ các quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, thấy rằng:

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA – Prado, màu bạc, biển kiểm soát Lào 3899, số khung: R2J1959003606, số máy: 5L6071551 là phương tiện bị cáo sử dụng để cất giấu ma túy, tuy nhiên chiếc xe này do ông D S mượn của gia đình ông S V, trú tại bản I LT, huyện NXT, thành phố VC, Lào; ông SV không biết việc bị cáo cất giấu ma túy trên xe nên cơ quan điều tra trả lại chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ liên quan cho ông SV là phù hợp.

Đối với toàn bộ các chất còn lại sau khi giám định (được niêm phong trong 01 (một) phong bì số 03/GĐTP-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum) trong đó các chất ma túy bao gồm loại Methamphetamine, khối lượng 1,8532 gam; loại Ketamine, khối lượng 0,4921 gam; loại MDMA, khối lượng 0,9339 gam là vật chứng phạm tội cần tịch thu và tiêu hủy; riêng chất có khối lượng 6,4543 gam không phải là ma túy và 01 (một) thùng nhựa màu xanh không có giá trị cần thiết tịch thu và tiêu hủy toàn bộ.

Đối với số tiền 11.300.000 đồng; 11 tờ 1.000 Baht Thái Lan, 05 tờ 100 USD; các tài sản 01 đồng hồ hiệu JULIUS; 01 điện thoại di động hiệu HUAWAI; màu xanh; các giấy tờ gồm 01 cuốn hộ chiếu phổ thông và 01 giấy phép lái xe mang tên Kh Th I, xét thấy không có căn cứ chứng minh bị cáo dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân Lào mang tên Kh Th I cần áp dụng khoản 2 Điều 10, khoản 3 điều 11 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính Phủ về Chứng minh nhân dân: Cơ quan thi hành quyết định tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù có thẩm quyền tạm giữ trong thời gian bị cáo bị tạm giam và thi hành án phạt tù. Bị cáo được nhận lại Chứng minh nhân dân khi chấp hành xong án phạt tù.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 10, khoản 3 điều 11 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kh Th I phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Kh Th I 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) phong bì số 03/GĐTP-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum và 01 (một) thùng nhựa màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Kh Th I tiền, đồ vật, tài liệu sau:

+ Số tiền Việt Nam 11.300.000 (*Mười một triệu, ba trăm nghìn*) đồng; ngoại tệ bao gồm 11 (mười một) tờ 1.000 (*Một nghìn*) Baht Thái Lan và 05 (năm) tờ 100 (một trăm) USD (Toàn bộ số tiền theo Giấy nộp tiền vào tài khoản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Kon Tum và Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum ngày 29/3/2019 ; Phiếu nhập kho giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Kon Tum và Kho bạc nhà nước tỉnh Kon Tum ngày 01/4/2019);

+ 01 đồng hồ hiệu JULIUS, tình trạng chất lượng bên trong không kiểm tra;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu HUAWEI, màu xanh, tình trạng chất lượng bên trong chưa kiểm tra;

+ 01 (Một) cuốn hộ chiếu phổ thông số PA 0189978, mang tên Kh Th I, sinh ngày 20/01/1996, do Công an thành phố VC – Lào cấp ngày 14/9/2017;

+ 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Kh Th I;

- Giao cho Cơ quan thi hành quyết định tạm giam, cơ quan thi hành án phạt tù có thẩm quyền tạm giữ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân Lào số 100128438, mang tên Kh Th I cấp ngày 07/3/2017. Bị cáo được nhận lại Chứng minh nhân dân khi chấp hành xong án phạt tù.

(Các vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Kon Tum và Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum ngày 22/4/2019).

4. Về án phí: Bị cáo Kh Th I phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Bị cáo;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng THA hình sự tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Long